

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 428/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị Trần Thị
Thu H và anh Bùi Chí T.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành

Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 05-8-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số nhà 50 đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Chí T, sinh năm 1976; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 50 đường P, phường T, thành phố N; Hiện cư trú tại: Xóm 7 thôn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H, anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08-5-2019, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Chí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Nam Định vào ngày 24 tháng 3 năm 1999. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không hòa hợp về lối sống, tính cách, anh T không quan tâm đến vợ nên chị đã một lần xin ly hôn, sau đó vì con chị đã rút đơn nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục bất hòa không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi từ khoảng năm 2014 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Chí T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thu H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Lan H, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1999 và Bùi Huy H, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2010. Hiện nay cháu Lan H đã trưởng thành tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy H và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang công tác tại công ty xăng dầu H với mức thu nhập trung bình từ 7.500.000VND đến 8.000.000 VND/tháng.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng, anh Bùi Chí T xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn theo lời trình bày của chị H là đúng. Anh trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không quan tâm tới nhau, bất đồng về quan điểm, lối sống, không hòa hợp về tính cách nên thường xuyên cãi vã không nói chuyện được với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị H. Về con chung: Anh Bùi Chí T xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con đối với cháu Bùi Thị Lan H. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Bùi Huy H và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang là thợ sửa chữa ô tô với mức thu nhập trung bình từ 15.000.000 VND đến 20.000.000 VND/tháng. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh Bùi Chí T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh Bùi Chí T trình bày: Khi cháu Lan H đi du học tại Nhật theo diện tự túc kinh phí, anh là người bỏ toàn bộ khoảng hơn 200.000.000 VND để đóng tiền thế chấp và đóng toàn bộ sinh hoạt, học phí cho cháu Lan H. Chị H có cho cháu Lan H hai bộ quần áo còn tiền sinh hoạt, học phí cho cháu Lan H, chị H có

đóng hay không anh không biết. Hiện nay anh là chủ xưởng sửa chữa ô tô có 3 thợ giúp việc, thu nhập bình quân của anh vào khoảng 15.000.000VND đến 20.000.000VND/tháng. Có thời gian cháu Huy H ở với chị H, do chị H không đóng tiền học phí cho con nên cô giáo đã gọi điện cho anh sang đóng và hiện nay anh cũng là người thường xuyên đưa đón cháu Huy H đi học, đóng tiền học cho con nên để ổn định việc ăn học cho con chung anh đề nghị là người trực tiếp nuôi cháu Huy H.

Chị Trần Thị Thu H trình bày: Đối với cháu Lan H đang du học ở Nhật, chị cũng có trách nhiệm cấp dưỡng như cho quần áo, tiền đi lại...còn anh T là người đóng tiền thuê nhà và học phí cho cháu Lan H du học là đúng. Hiện nay anh T là thợ sửa chữa ô tô là đúng còn thu nhập của anh T như thế nào chị không biết. Tuy có lúc chị phải đi làm ca tối nhưng nếu được nuôi cháu Huy H thì chị có thể sắp xếp thời gian để chăm lo cho con.

Quá trình Tòa án tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân và con chung của các đương sự, đại diện chính quyền địa phương nơi chị H và anh T cư trú đã cung cấp: Anh T và chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 50 đường P, phường T, thành phố N. Chị H làm việc tại công ty xăng dầu, có hôm đi làm ca tối còn anh T hiện nay ở đâu địa phương không biết. Do chị H và anh T không báo cáo nên tổ dân phố không nắm rõ mâu thuẫn giữa chị H với anh T. Chị H và anh T có 02 con chung là Bùi Thị Lan H, sinh năm 1999 và Bùi Huy H, sinh năm 2010. Nay chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh T, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cháu Bùi Huy H có đơn trình bày chị H làm việc tại cửa hàng xăng dầu, có đêm không về còn anh T là người thường xuyên đưa đón cháu đi học nên để ổn định cuộc sống và việc học tập không bị gián đoạn cháu Huy H đề nghị được ở với anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành nghiêm túc theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Chí T.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho anh Bùi Chí T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Bùi Huy H, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2010. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Chí T không yêu cầu chị Trần Thị Thu H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Chí T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Chí T cùng thống nhất thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định là nơi giải quyết đơn ly hôn, nuôi con chung của vợ chồng. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Chí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N vào ngày 24 tháng 3 năm 1999 nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của anh T, chị H cũng như kết quả xác minh của Tòa án tại nơi hai bên cư trú cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, hiện nay hai bên đã sống ly thân và tại phiên tòa, cả anh T và chị H đều có quan điểm thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Chí T.

[3] Về tranh chấp nuôi con chung:

3.1 Đối với cháu Bùi Thị Lan H đã trưởng thành tự lập; chị H và anh T đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3.2 Đối với việc tranh chấp nuôi cháu Bùi Huy H: Căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Lời trình bày của cháu Bùi Huy H phù hợp với tài liệu xác minh của Tòa án cho thấy, chị H làm việc theo ca tại cửa hàng xăng dầu, có thời điểm phải làm cả buổi tối nên khó đảm bảo thời gian chăm sóc con chung. Anh T là thợ sửa ô tô, có thu nhập và nơi ở rõ ràng, có thời gian chăm sóc con chung hơn so với chị H. Mặt khác, cháu Huy H có đơn trình bày đề nghị được ở với anh T. Cháu Bùi Huy H sinh ngày 06 tháng 02 năm 2010 tính đến thời điểm chị H và anh T ly hôn đã trên 07 tuổi nên nguyện vọng này của

cháu Huy H cần được ghi nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con....;trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho anh Bùi Chí T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Huy H, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2010. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Chí T không yêu cầu chị Trần Thị Thu H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Chí T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thu H là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Chí T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Bùi Chí T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Huy H, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2010. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Chí T không yêu cầu chị Trần Thị Thu H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Chí T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0002243 ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H và anh Bùi Chí T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng